TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/DS-ST
Ngày 02 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2018/TLST–DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thu L, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Ấp Tần Điền A, xã T , huyện Đ ,tỉnh C . (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Võ Trung T , sinh năm 1962.

Bà Nguyễn Thị Đ , sinh năm 1964.

Cùng cư trú tại: Ấp Tần Điền A, xã Tạ An K , huyện Đ ,tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thu L trình bày:

Vào ngày 26/3/2017âl bà có chơi hụi do ông Đặng Văn G làm chủ hụi, bà tham gia chơi 01 phần, loại hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 36 phần. Góp được 10 kỳ bà cho ông T , bà Đ mượn phần hụi này để hốt số tiền được khoảng 29.000.000 đồng. Sau khi hốt, ông T và bà Đ không đưa tiền cho bà đóng hụi chết, bà phải đóng thay cho ông Th và bà Đ thêm 03 kỳ nữa.

Ngoài ra, ông T và bà Đ có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng thời gian và số lượng vay như sau:

Lần thứ nhất ngày 06/9/2017âl vay 10.000.000 đồng, lãi suất 800.000đ/10.000.000đ/tháng.

Lần thứ hai ngày 06/9/2017âl vay 10.000.000 đồng, lãi suất 500.000đ/10.000.000đ/tháng.

Lần thứ ba ngày 10/01/2018âl vay 10.000.000 đồng, lãi suất 500.000đ/10.000.000đ/tháng.

Từ khi vay đến nay ông T và bà Đ không trả lãi cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc ông T và bà Đ trả cho bà tổng số tiền là 65.900.000 đồng.

Tiền hụi 29.000.000 đồng; Tiền vốn vay 30.000.000 đồng + tiền lãi 6.900.000 đồng.

Tại phiên tòa bà L thay đổi yêu cầu về phần lãi. Bà yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại biên bản đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận có mượn của bà Thu L 01 chân hụi 29.000.000 đồng và có vay của bà Thu L số tiền 30.000.000 đồng. Bà đồng ý trả nợ cho bà L , nhưng do điều kiện hiện nay bà đang gặp khó khăn, bà yêu cầu được trả chậm số tiền bà vay của bà Thu L . Hiện nay bà và ông T chưa ly hôn, nhưng do điều kiện khó khăn, nên bà và ông T mỗi người đi làm một nơi.

Đối với bị đơn ông Võ Trung T : Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định pháp luật, nhưng ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng. Vào ngày 19/9/2018 bà Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T , bà Đ .

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết: Việc bà Trương Thu L khởi kiện yêu cầu ông Võ Trung T và bà Nguyễn Ngọc Đ trả lại cho bà số tiền hụi, tiền vay là 59.000.000 đồng và tiền lãi suất. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Trương Thu L có cho ông Võ Trung T và bà Nguyễn Ngọc Đ mượn 01 chân hụi số tiền 29.000.000 đồng và vào ngày 06/9/2017âl cho vay 20.000.000 đồng; ngày 10/01/2018âl cho vay 10.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà Đ trả cho bà số tiền hụi 29.000.000 đồng + Tiền vay 30.000.000 đồng + tiền lãi suất theo quy định pháp luật).

Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Nguyễn Ngọc Đ thiếu tiền của bà Trương Thu L theo biên nhận có nội dung *"tôi vợ chồng 5 t có mượn của thím út c 1 chưng hụi 1.000, ngày 26-6-2017 Tổng số 36 chưng: người nhận Nguyễn Ngọc Đ (5 t)"*. Theo giấy vay nợ do bà L cung cấp có nội dung *"Thu L có hỏi dùm chế Đ 10 triệu ngày mùng 6 tháng 9-2017 mỗi tháng 800 ngàn. 10 triệu ngày mùng 10 tháng giêng lãi xuất: 5 phân mỗi tháng 500 ngàn: người hỏi Nguyễn Ngọc Đ . Tím 10 triệu ngày 6 tháng 9.2018 lãi xuất 5% mỗi tháng"*. Cũng như, tại văn bản đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19/9/2018 và trình bày ý kiến của bà Đ gởi Tòa án, bà thừa nhận có mượn 01 phần hụi 29.000.000 đồng và có vay số tiền 30.000.000 đồng của bà L . Nay bà L yêu cầu ông T và bà Đ trả 59.000.000 đồng, bà Đ đồng ý trả. Ngoài ra, bà Đ xác định tại thời điểm bà vay tiền của bà Đèo, bà và T có mối quan hệ vợ chồng và chưa được Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân. Đối với ông T Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L , nên ông T phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Đối với tiền lãi bà L yêu cầu ông T , bà Đ trả số tiền lãi 6.900.000 đồng. Tại phiên tòa bà L yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định *"...trường hợp các bên thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác..."*. Viện dẫn từ điều luật trên lãi suất quy định 01 tháng bằng 1,66% nên được tính như sau: [(20.000.000 đồng x 04 tháng x 1.66%/tháng = 1.328.000đ) + (30.000.000 đồng x 05 tháng x 1,66% = 2.490.000 đồng)] lãi suất theo quy định 3.818.000 đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L , buộc ông T và bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền 62.818.000 đồng trong đó: tiền mượn hụi 29.000.000 đồng + tiền vay 30.000.000 đồng + tiền lãi 3.818.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T , bà Đ phải chịu số tiền là 3.140.900 đồng. (62.818.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 233, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu L.

1. Buộc ông Võ Trung T và bà Nguyễn Ngọc Đ trả cho bà Trương Thu L số tiền 62.818.000 đồng (sáu mười hai triệu tám trăm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thu L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lợi 1.648.000 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0010179 ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 3.140.900 đồng (ba triệu một trăm bốn mươi nghìn chín trăm đồng) chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T , bà Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Giang Nam